

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**VỤ GIÁO DỤC MẦM NON**

**BÁO CÁO**  
**TỔNG HỢP CHI TIẾT Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**  
**GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**  
**Về dự thảo hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết Quốc hội Phổ cập giáo dục mầm non**  
**cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.**

<b>TT</b>	<b>Vấn đề/nội dung góp ý</b>	<b>Ý kiến tiếp thu, giải trình</b>
<b>A-</b>	<b>CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG</b>	
<b>I.</b>	<b>GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT</b>	
<b>1</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	
	<p><b>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</b></p> <p>Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu rõ các trường hợp cần lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong đó có Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật.</p> <p>Đề nghị Quý Bộ bổ sung, làm rõ trong Tờ trình việc xây dựng Nghị quyết có thuộc đối tượng quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật không? Trường hợp không thuộc đối tượng, đề nghị xem xét lại việc lập đề nghị xây dựng Nghị quyết bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và báo cáo như sau: Tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:</p> <p>b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;</p> <p>c) Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;</p> <p>Tuy nhiên, sau khi làm việc với VPCP và Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp cho rằng Luật không quy định rõ và sự ảnh hưởng của việc triển khai PCGDMNTMG trên phạm vi toàn quốc, tính chất phức tạp nên Bộ GDĐT vẫn cần lập hồ sơ đề nghị. Đây là một bước để làm kỹ hơn, xin ý kiến</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		các đơn vị nhiều vòng hơn trước khi trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội.
2	<b>Sự cần thiết</b>	
	<p><b>1. Bộ Tư pháp:</b></p> <p>Ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 gồm <i>hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi</i> (mục II.2.2.2) và nhiệm vụ, giải pháp <i>củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi</i> (mục III.6). Ngày 06/4/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó giao Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi (mục VI.1 Phụ lục II).</p> <p><i>Do đó, Bộ Tư pháp nhất trí sự cần thiết nghiên cứu ban hành chính sách thực hiện phổ cập giáo dục đối với trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.</i></p>	Nhất trí tiếp thu.
3	<b>Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b>	
	<p><b>1. Bộ Tài chính</b></p> <p>Tại dự thảo kèm theo công văn số 3556/BGDĐT-GDMN, Bộ GD&amp;ĐT dự kiến thực hiện thí điểm ở 15/63 địa phương. Tuy nhiên, tại dự thảo lần này, Bộ GD&amp;ĐT dự kiến thực hiện phạm vi cả nước và chưa đưa ra lý do cho việc thay đổi này.</p> <p>Vì vậy, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, khoa học đối với nội dung này. Đề nghị chỉ thực hiện thí điểm tại một số địa phương.</p>	<p><u>Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính.</u></p> <p><u>Bộ GDĐT sẽ bổ sung thêm vào Tờ trình, cụ thể như sau:</u></p> <p><u>- Ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó xác định</u></p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Trường hợp, Bộ GD&amp;ĐT vẫn tiếp tục trình thực hiện chính sách trên phạm vi cả nước; đề nghị Bộ GD&amp;ĐT lấy ý kiến các địa phương để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.</p>	<p>các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 gồm <i>hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.</i></p> <p>- Ngày 09/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, theo đó: giao cho Bộ GDĐT nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.</p> <p>Như vậy, căn cứ theo Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương và Chính phủ thì việc thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi sẽ cần phải triển khai thực hiện đại trà trên toàn quốc và hoàn thành vào năm 2030.</p> <p>Để xây dựng hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, Bộ GDĐT đã gửi văn bản xin ý kiến UBND 63 tỉnh, thành phố; 100% các đơn vị nhất trí với chủ trương thực hiện phổ cập đại trà cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi (có tổng hợp ý kiến 63 tỉnh kèm theo).</p> <p>Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và bổ sung thêm lý do triển khai đại trà về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào hồ sơ Nghị quyết.</p>
	<p><b>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</b></p> <p>Theo đề xuất, Nghị quyết được ban hành nhằm quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Bộ Giáo</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và báo cáo như sau:</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>dục và Đào tạo<sup>1</sup>, đến năm 2017, 100% các tỉnh, thành phố trong cả nước hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Trong điều kiện nguồn lực hạn chế, đề nghị xem xét việc đưa trẻ 5 tuổi vào đối tượng áp dụng của Nghị quyết. Trường hợp đưa vào Nghị quyết, đề nghị chỉ nên đề xuất cơ chế, chính sách ở mức duy trì phổ cập bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế nhằm ưu tiên tập trung nguồn lực để hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3-4 tuổi.</p> <p>Ngoài ra, hiện nay ngành giáo dục đào tạo đang được giao triển khai xây dựng một số Nghị quyết, Chương trình có nội dung liên quan đến phát triển giáo dục mầm non như Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030... đề nghị rà soát phạm vi điều chỉnh, đối tượng của Nghị quyết tránh chồng chéo với các Nghị quyết, Chương trình khác có liên quan đến giáo dục mầm non.</p>	<p>Cả nước đã hoàn thành PCGDMTNT vào năm 2017, qua quá trình triển khai đến nay tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đã đạt hơn 99%, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mẫu giáo 5 tuổi từng bước được nâng lên, việc đội ngũ GVMN/ lớp được bổ sung (hiện nay đạt 1,87 GV/lớp) và tỷ lệ phòng học kiên cố (hiện nay đạt 84,8%) và trường MN đạt chuẩn quốc gia (hiện nay đạt 59,5%) được đầu tư tăng lên hàng năm đã tạo điều kiện cho việc duy trì kết quả đạt chuẩn PCGDMTNT được thuận lợi. Tuy nhiên, theo thời gian ngoài việc tiếp tục bổ sung đội ngũ GVMN và CSVC còn thiếu thì việc đầu tư bổ sung về đội ngũ để thay thế cho đội ngũ nghỉ hưu, thôi việc và đầu tư thay thế cho CSVC xuống cấp của cấp học mầm non vẫn cần phải được thực hiện.</p> <p>Việc triển khai PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn từ 2026-2030 nhằm thực hiện mục tiêu quan trọng của Ban chấp hành Trung ương đảng; chính sách phổ cập sẽ áp dụng cho cả 3 độ tuổi thuộc đối tượng phổ cập GDMN để đầu tư các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu của Đảng và Chính phủ.</p> <p>Đối với ý kiến của Bộ KH&amp;ĐT về các Nghị quyết đang được xây dựng “Đổi mới chương trình GDMN” và “Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030”, Bộ GDĐT đã rà soát, tính toán, không chồng chéo về nguồn lực, đảm bảo sự liên thông các nguồn lực của các Chương trình, Đề án</p>

<sup>1</sup> Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
4	<b>Về các cơ chế, chính sách thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo</b>	
4.1.	<b>Về chính sách đối với trẻ em mẫu giáo</b>	
	<p><b>1. Bộ Tài chính</b></p> <p>a) Điểm a khoản 1.2 Điều 3 Dự thảo Đề cương chi tiết Nghị quyết quy định: “<i>Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại mục a, b điểm 1.1 khoản 1 Điều này học tập tại các cơ sở GDMN công lập được miễn học phí</i>”:</p> <p>- Đề nghị rà soát trẻ mẫu giáo trong độ tuổi phổ cập đi học tại các trường mầm non công lập được “miễn học phí” hay “không phải đóng học phí” để đảm bảo thống nhất, lý do: Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí quy định học sinh tiểu học trường công lập (đối tượng phổ cập giáo dục) không phải đóng học phí; trẻ em học mẫu giáo (hiện nay chưa phải là đối tượng phổ cập giáo dục) được miễn học phí.</p> <p>- Đề nghị làm rõ đối với khu vực chưa có đủ trường mầm non công lập thì trẻ mầm non thuộc đối tượng phổ cập GDMN trong các cơ sở GDMN tư thực, các nhóm trẻ độc lập, lớp mầm non độc lập có được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí tương tự như học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thực ở địa bàn không đủ trường công</p>	<p>a) Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu và báo cáo như sau:</p> <p>- Căn cứ vào Điều 99 (Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo) của Luật Giáo dục và tại Điều 14 (Đối tượng không phải đóng học phí) của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thì đối tượng trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trong diện phổ cập GDMN là đối tượng được “miễn học phí”. Chỉ có học sinh tiểu học mới thuộc đối tượng “không phải đóng học phí” (khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục; đồng thời cũng là cấp học được quy định là “giáo dục bắt buộc”). Vì vậy, Bộ GDĐT xây dựng Nghị quyết của Quốc hội PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo yêu cầu của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ để đưa đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 tuổi và 4 tuổi vào diện phổ cập đối với cấp học mầm non. Qua đó, sẽ đề xuất đưa đối tượng trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào diện được miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 81 (sửa đổi, bổ sung vào mục miễn học phí cho trẻ em 5 tuổi) để từ đó hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo thuộc các đối tượng khó khăn có điều kiện tốt hơn để ra lớp, tiếp cận sớm với giáo dục, làm nền tảng bền vững cho trẻ học tốt hơn ở các cấp học sau. Việc dự thảo Nghị quyết quy định trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng miễn học phí là phù hợp.</p> <p>- Bộ GDĐT đã rà soát, các chính sách về học phí đối với trẻ em mẫu giáo tại Nghị định số 81, qua đó, trẻ em mẫu giáo cùng đối tượng được miễn, giảm học phí tại điểm c khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 81 sẽ được nhà nước hỗ</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>lập hay không (Bộ Tài chính đã có ý kiến về nội dung này tại công văn số 9401/BTC-HCSN ngày 05/9/2023).</p> <p>b) Về các chính sách hỗ trợ:</p> <p>Hiện nay, Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với trẻ em mẫu giáo, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa: khoản 2 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển GDMN (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) đã có quy định <i>hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ mầm non/tháng</i>. Nay tại Điểm c khoản 1.2 Điều 3 Dự thảo Đề cương chi tiết Nghị quyết quy định hỗ trợ tiền ăn trưa tối thiểu là 360.000 đồng/tháng/trẻ em mẫu giáo.</li> <li>- Hỗ trợ chi phí học tập: Khoản 10 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đã có quy định: <i>Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 18 Nghị định này (gồm có đối tượng là trẻ em học mẫu giáo) với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng</i>. Nay Điểm d khoản 1.2 Điều 3 Dự thảo Đề cương chi tiết Nghị quyết quy định hỗ trợ chi phí học tập là 150.000 đồng/tháng/trẻ em.</li> </ul> <p>Vì vậy, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT rà soát các chính sách để đảm bảo tránh trùng lặp với các chính sách đã được quy định và thuyết minh cơ sở đề xuất các chính sách được hưởng đối với trẻ em mẫu giáo và giáo viên mầm non, làm rõ cách tính chính sách hỗ trợ thu hút tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản cho giáo viên mầm non đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định hiện hành.</p>	<p>trợ (c) <i>Học sinh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí tại các cơ sở giáo dục dân lập, tự thực được nhà nước chi trả tối đa bằng mức học phí đối với học sinh cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn</i>).</p> <p>b) Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến; đã rà soát về chính sách hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo theo ý kiến của Bộ Tài chính. Qua đó, các chính sách được xây dựng trong dự thảo chủ yếu là dựa trên các chính sách đã có quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể các chính sách trong dự thảo có điều chỉnh khác với chính sách hiện hành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng thêm đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi thuộc diện miễn học phí để đảm bảo toàn bộ trẻ em mẫu giáo đều được miễn học phí như trẻ 5 tuổi.</li> <li>- Bổ sung đối tượng trẻ em con công nhân tại các cơ sở GDMN dân lập, tự thực được hỗ trợ chi phí học tập với mục tiêu thúc đẩy trẻ em học tại các cơ sở dân lập, tự thực đáp ứng mục tiêu XHH GDMN tại Nghị quyết số 35 của Chính phủ; đồng thời phù hợp với việc ưu tiên của Chính phủ đối với loại hình trường ở KCN, KCX.</li> <li>- Nâng mức hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo lên mức 360.000 để phù hợp với tình hình KTXH và mức trượt giá hiện nay (mức cũ mới đạt 7.200 đồng/trẻ/ngày không đủ để tổ chức cho trẻ ăn bán trú đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng, trong khi các trẻ được hỗ trợ là các trẻ chính sách, trẻ vùng khó khăn).</li> </ul> <p>Các chính sách không trùng lặp, chồng chéo giữa các đối tượng thụ hưởng. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ GDĐT sẽ chỉnh sửa, bổ sung Nghị quyết và Nghị định</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>triển khai Nghị quyết theo hướng các chính sách đã có thì thực hiện theo quy định hiện hành, Nghị định chỉ quy định các chính sách bổ sung và các chính sách thay thế cho quy định hiện hành. Đồng thời để đáp ứng mục tiêu khi Nghị quyết Quốc hội và Nghị định ban hành các địa phương sẽ triển khai được ngay nhiệm vụ PCGDMNTMG.</p> <p><i>- Về ý kiến của Bộ Tài chính “làm rõ cách tính chính sách hỗ trợ thu hút tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản cho giáo viên mầm non đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định hiện hành”.</i></p> <p><i>Bộ GDĐT báo cáo thêm như sau: Việc tính thu hút tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản Bộ GDĐT đã báo cáo chi tiết trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động kèm theo hồ sơ của Nghị quyết. Cụ thể:</i></p> <p>Do hiện nay chế độ tiền lương mới chưa được ban hành nên Bộ tạm thời dự báo như sau: Tổng số giáo viên mẫu giáo dự kiến tuyển dụng giai đoạn từ 2026 đến năm 2030 để thực hiện PCGDMNTMG là khoảng: 34.612 giáo viên, mức hệ số lương khởi điểm bậc 1, hệ số 2,1, mức lương cơ sở tạm tính như hiện hành là 2,3 triệu đồng. Như vậy, bình quân khoảng 58,97 triệu đồng/người/năm. Căn cứ Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương cơ sở là 2,34 triệu đồng, áp dụng từ ngày 01/7/2024</p>
	<p><b>2. Bộ Tư pháp</b></p> <p>- Về giải pháp miễn học phí cho đối tượng trẻ em vùng khó khăn, trẻ em đối tượng chính sách (giải pháp 2 mục II.1.3 trang 8). Tại khoản 1 Điều 3 Đề cương dự</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu các ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp. Về nội dung này, Bộ GDĐT đã có giải trình đối với ý kiến của Bộ Tài chính. Cụ thể: các chính sách được xây</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>thảo Nghị quyết quy định các đối tượng được hưởng và mức hưởng đối với chính sách ưu đãi học phí. Liên quan đến chính sách học phí, ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, pháp luật đã có quy định như sau: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (khoản 2 Điều 15 quy định đối tượng được miễn học phí gồm: <i>Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật</i>; khoản 1 Điều 18 quy định đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập gồm: <i>Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mở cả cha lẫn mẹ...</i>); Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (khoản 2 Điều 7 quy định <i>trẻ em<sup>2</sup> thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học</i>); Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người)...</p> <p>Qua rà soát các nội dung và mức hưởng chính sách tại Đề cương Dự thảo Nghị quyết, Bộ Tư pháp nhận thấy cơ bản nội dung chính sách được giữ nguyên như pháp luật hiện hành (chỉ tăng mức hỗ trợ) là hỗ trợ tiền ăn trưa, chi phí học tập cho</p>	<p>dụng trong dự thảo chủ yếu là dựa trên các chính sách đã có quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, chỉ mở rộng thêm đối tượng để đảm bảo công bằng giữa trẻ em mẫu giáo 5 tuổi với trẻ em mẫu giáo 3, 4 tuổi; đồng thời đề xuất nâng mức hỗ trợ để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và mức trượt giá hiện nay; bổ sung chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo học tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thục để hỗ trợ thêm cho trẻ em vào học loại hình này nhằm tiếp tục khuyến khích thực hiện chính sách XHH theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị quyết số 35 của Chính phủ.</p> <p>Như vậy, sau khi các chính sách này được ban hành thì đối với các đối tượng đặc thù như trẻ em vùng khó khăn, trẻ em KCN, KCX đã có các chính sách riêng như hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ kinh phí tổ chức ăn bán trú, hỗ trợ con công nhân để đảm bảo thực hiện PCGD cho các địa phương trên toàn quốc.</p>

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định đối tượng trẻ em được hưởng chính sách: *Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có); Trẻ em khuyết tật học hòa nhập*



TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>một số đối tượng trẻ em cụ thể. Trong khi đó, tại khoản 2 Điều 14 Luật Giáo dục quy định <i>Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện giáo dục bắt buộc trong cả nước; quyết định kế hoạch, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục</i>. Như vậy, theo quy định của Luật Giáo dục thì Nhà nước có trách nhiệm phải đảm bảo các điều kiện để thực hiện phổ cập. Do đó, để đảm bảo thực hiện được phổ cập giáo dục thì cần nghiên cứu các chính sách chung (các chính sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập...) để đảm bảo thực hiện phổ cập cho tất cả các tỉnh, thành phố; các chính sách riêng cho các đối tượng đặc thù hoặc những khu vực khó khăn trong việc huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp.</p>	
	<p><b>3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b></p> <p>Dự thảo Nghị quyết đề xuất một số chính sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 81/2021/NĐ-CP), Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP (Nghị định 97/2023/NĐ-CP) trong đó có quy định miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với một số đối tượng là trẻ em mẫu giáo.</p> <p>Đề nghị rà soát, bảo đảm các cơ chế, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập được đề xuất tại Nghị quyết không trùng lặp với các chính sách đã được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP và Nghị định 97/2023/NĐ-CP.</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, rà soát đảm bảo các chính sách không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách đã được quy định trong hệ thống.</p> <p>* Đối với chính sách miễn giảm học phí: Sau khi rà soát theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, trong đó: Theo Điều 15. Đối tượng được miễn học phí (<i>có 6 đối tượng</i>):</p> <p><u>(1)</u> Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.</p> <p><u>(2)</u> Trẻ em học mẫu giáo không có nguồn nuôi dưỡng.</p> <p><u>(3)</u> Trẻ em học mẫu giáo có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p><u>(4)</u> Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p><u>(5)</u> Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024).</p> <p>(6) Trẻ em mầm non là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.</p> <p>Như vậy, các đối tượng miễn giảm học phí tại Dự thảo Nghị quyết đã được rà soát, đảm bảo không trùng lặp, chỉ bổ sung đối tượng thụ hưởng là trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi.</p> <p>* Đối với chính sách hỗ trợ chi phí học tập: (có 04 đối tượng): (1) Trẻ em học mẫu giáo mồ côi cả cha lẫn mẹ. (2) Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật. (3) Trẻ em học mẫu giáo có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. (4) Trẻ em học mẫu giáo ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Dự thảo Nghị quyết đã bổ sung đối tượng “Trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.”. Đối tượng nêu trên không trùng lặp với đối tượng tại Nghị định số 81; đồng thời nhằm mục tiêu thực hiện XHH giáo dục theo Nghị định số</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		69/2008/NĐ-CP và Nghị quyết số 35 của Chính phủ năm 2019 về XHH giáo dục.
	<p><b>4. Ủy ban Dân tộc</b></p> <p>Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn dự báo sẽ khó thành công cũng như giữ kết quả phổ cập trong giai đoạn sau, vì đặc điểm kinh tế - xã hội, dân cư của vùng này có tính đặc thù, các hộ gia đình thường nhà ở xa điểm trường, lớp học; đường xá, phương tiện giao thông đi lại còn nhiều khó khăn, không có phương tiện đưa đón; một số gia đình đi làm ăn xa gửi con cho ông bà, gia đình, nên có yếu tố ảnh hưởng đến việc đưa, đón trẻ tới trường; mặt khác một số hộ gia đình không có thu nhập hoặc thu nhập rất thấp nên không có điều kiện để mua sắm một số đồ dùng tối thiểu để phục vụ việc đến trường, đến lớp cho trẻ như: quần áo, giày dép, cặp xách... đây là yếu tố tác động đến việc huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra trường, ra lớp. Với những lý do trên, để thực hiện thành công việc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi cần có thêm chính sách hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có trẻ từ 3 đến 5 tuổi, duy trì liên tục cho việc đưa trẻ đến trường, đến lớp học tập hiệu quả; trong quá trình triển khai thực hiện nên phân cấp cho địa phương để đảm bảo sát thực với tình hình thực tế.</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, trong triển khai thực hiện sẽ huy động cả hệ thống chính trị và toàn dân chung tay đầu tư, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo đưa trẻ đến trường.</p> <p>Ngoài ra, Dự thảo Nghị quyết cũng đã bổ sung thêm chính sách cho các đối tượng trẻ em vùng DTTS, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn, cụ thể như: nâng mức hỗ trợ ăn trưa lên mức 360.000, bổ sung chính sách miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi để hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo tại vùng DTTS&amp;MN, khu vực có KTXH khó khăn và đặc biệt khó khăn.</p>
<b>4.2.</b>	<b>Về chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non</b>	
	<p><b>1. Bộ Tài chính</b></p> <p>a) Tại điểm 3.3 khoản 3 Mục IV Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ GD&amp;ĐT đề xuất: <i>Nhà nước ưu tiên có Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) đầu tư xây dựng đủ trường/lớp học đáp ứng nhu cầu của trẻ em vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo; hoặc đưa cấu phần GDMN vào giai đoạn 2 (giai đoạn 2026-2030 của CTMTQG phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030 - chỉnh sửa Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và dự kiến nhu cầu kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi giai đoạn 2026-2030 là 18.024,8 tỷ đồng. Tuy vậy, Bộ GD&amp;ĐT không thuyết minh nguồn kinh phí thực hiện chính sách.</i></p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính.</p> <p>Bộ GDĐT sẽ tính toán để đảm bảo lồng ghép các chính sách để tránh trùng lặp với các chính sách đã được quy định (Cụ thể là sẽ lồng ghép trong Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030).</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Bên cạnh đó, hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025.</p> <p>Vì vậy, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT rà soát và lồng ghép các chính sách để đảm bảo tránh trùng lặp với các chính sách đã được quy định.</p> <p>b) Về nội dung tại điểm c tại khoản 3 điều 3 Dự thảo 2 Đề cương chi tiết Nghị quyết “<i>Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở GDMN theo phương thức đối tác công tư (trường công, quản lý tư); không áp dụng quy định về quy mô tổng mức tối thiểu của dự án PPP lĩnh vực giáo dục - đào tạo của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư cơ sở GDMN</i>”:</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo có quy mô tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên. Do đó, đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và tổng hợp ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư về nội dung này.</p>	<p>b) Bộ GD&amp;ĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính về các nội dung có liên quan đến Luật đầu tư. Bộ GD&amp;ĐT đã rà soát và xác định phương thức đối tác công tư trong GDMN sẽ thực hiện theo hình thức hợp đồng O&amp;M. Dự án đối tác công tư theo hình thức hợp đồng O&amp;M (vận hành- quản lý) không áp dụng yêu cầu về mức đầu tư tối thiểu.</p>
	<p><b>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b></p> <p>+ Đối với nội dung “<i>Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em mẫu giáo. Phân đầu đủ 100% phòng học đáp ứng phổ cập mẫu giáo; đến 2030, có 85% số phòng học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất trở lên theo quy định</i>”: Tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đã giao Ủy ban Dân tộc phối hợp với các Bộ ngành liên quan sửa đổi, bổ sung Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng</p>	<p>- Bộ GD&amp;ĐT nhất trí với ý kiến của Bộ KH&amp;ĐT.</p> <p>- Để thực hiện Nghị quyết số 68, Bộ GD&amp;ĐT đã phối hợp với UBND các tỉnh thành phố; gửi văn bản đề xuất tới UBND để bổ sung đối tượng GDMN vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg. Tuy nhiên đến nay chưa có kinh phí, chưa có văn bản điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1719. Vì vậy, <i>Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị giữ nguyên nội dung “Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em mẫu giáo.</i></p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trong đó “<i>Bổ sung đối tượng thụ hưởng là cấp học mầm non</i>”. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban Dân tộc để thực hiện nhiệm vụ nêu trên bảo đảm nguồn kinh phí đầu tư cho giáo dục mầm non thông qua Chương trình trong giai đoạn 2026-2030.</p> <p>Ngoài ra, triển khai Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai trình cấp thẩm quyền chủ trương đầu tư Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030 trong đó có nội dung đầu tư cho giáo dục mầm non.</p> <p>+ Đối với nội dung “<i>Có chương trình, dự án đầu tư phát triển trường, lớp học, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn</i>”: việc đầu tư phát triển trường, lớp thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non trong giai đoạn 2026-2030 đã được đề xuất thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030...do vậy, đề nghị bỏ nội dung nêu trên tại dự thảo Nghị quyết.</p>	<p><i>Phấn đấu đủ 100% phòng học đáp ứng phổ cập mẫu giáo; đến 2030, có 85% số phòng học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất trở lên theo quy định</i>” để có cơ sở đầu tư cho GDMN các địa phương thực hiện PCGDMNTMG theo yêu cầu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW.</p> <p>- Đối với ý kiến của Bộ KH&amp;ĐT đề nghị bỏ nội dung: “<i>Có chương trình, dự án đầu tư phát triển trường, lớp học, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn</i>”. Bộ GDĐT nhận thấy các chương trình đầu tư CSVC nêu trên mặc dù đã có (QĐ 1436, QĐ 1719) hoặc đang xây dựng (Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030) tuy nhiên có tình trạng không rõ nguồn kinh phí hoặc chưa được phê duyệt cho nên Bộ GDĐT tiếp tục đề nghị giữ nguyên như dự thảo; Trường hợp các dự án, chương trình nói trên được phê duyệt sửa đổi, bổ sung, ban hành mới thì sẽ bỏ ra khỏi Nghị quyết trước khi trình Quốc hội.</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>+ Đối với nội dung “<i>Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở giáo dục mầm non theo phương thức đối tác công tư (trường công, quản lý tư), không áp dụng quy định về quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP lĩnh vực giáo dục - đào tạo của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư cơ sở giáo dục mầm non</i>”: Đề nghị bổ sung làm rõ mô hình trường công, quản lý tư được đề xuất tại Nghị quyết có gì khác so với quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đồng thời nêu rõ trường hợp không áp dụng quy định về quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP lĩnh vực giáo dục - đào tạo của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì sẽ thực hiện theo phương án nào, tổng mức đầu tư được đề xuất là bao nhiêu để làm căn cứ xem xét, cho ý kiến về tính khả thi của chính sách được đề xuất.</p>	<p>- Đối với ý kiến về Dự án PPP: Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến. Bộ GDĐT đã rà soát và chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết như sau: “<i>Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở giáo dục mầm non theo phương thức đối tác công tư (trường công, quản lý tư: thực hiện theo hình thức hợp đồng O&amp;M)</i>” căn cứ theo Điểm d khoản 1 Điều 45 Luật đầu tư PPP.</p>
	<p><b>3. Bộ Tư pháp</b></p> <p>Cơ quan chủ trì lập Đề nghị đề xuất giải pháp <i>Nhà nước ưu tiên có chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư xây dựng đủ trường/lớp học đáp ứng nhu cầu của trẻ em vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo hoặc đưa cấu phần giáo dục mầm non vào giai đoạn 2 (giai đoạn 2026-2030 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030...</i> (giải pháp 2 tiểu mục 3.3 mục II.3). Đồng thời, tại khoản 3 Điều 3 Đề cương dự thảo Nghị quyết cũng đưa ra mục tiêu phân đầu trong việc phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non. Tuy nhiên, một số Chương trình mục tiêu quốc gia (như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) xác định các nhiệm vụ, giải pháp hướng tới những đối tượng hoặc vùng/miền cụ thể (ví dụ: xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại<sup>3</sup>; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, rà soát, bổ sung đề xuất cụ thể các giải pháp để thực hiện việc xây dựng, đảm bảo cơ sở vật chất (như: chính sách về đất đai, cho thuê cơ sở vật chất, chính sách ưu đãi...), thu hút nguồn lực xã hội tham gia vào việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo. Ngoài ra, hiện nay để đảm bảo các điều kiện về CSVC thực hiện Chương trình GDMN và phổ thông và đáp ứng yêu cầu phổ cập, Bộ GDĐT đang xây dựng và trình Chính phủ Chương trình đảm bảo CSVC giai đoạn 2026-2030.</p>

<sup>3</sup> Điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống<sup>4</sup>; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo<sup>5</sup>...). Trong khi đó, việc phổ cập giáo dục mầm non là hướng tới phổ cập cho tất cả trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi, hơn nữa, như đã nêu, Luật Giáo dục đã quy định Nhà nước có trách nhiệm <i>quyết định kế hoạch, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục</i> (khoản 2 Điều 4). Vì vậy, cần đề xuất cụ thể các giải pháp để thực hiện việc xây dựng, đảm bảo cơ sở vật chất (như: chính sách về đất đai, cho thuê cơ sở vật chất, chính sách ưu đãi...), thu hút nguồn lực xã hội tham gia vào việc thực hiện phổ cập (ví dụ như: điểm b khoản 1 Điều 47 Luật Giáo dục quy định <i>loại hình trường dân lập chỉ áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non</i><sup>6</sup>...) do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập Đề nghị nghiên cứu bổ sung.</p>	
<b>4.3</b>	<b>Chính sách đối với Đội ngũ CBQL, GV, NV</b>	
	<p><b>1. Bộ Tài chính</b></p> <p>- Chính sách hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở GDMN: Khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP đã có quy định <i>mức hỗ trợ 450.000 đồng/tháng đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số và 800.000 đồng/tháng đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở GDMN dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp</i> (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP không có quy định chính sách đối với cán bộ quản lý, nhân viên). Nay Điểm b khoản 2 Điều 3 Dự thảo Đề cương chi tiết Nghị quyết quy định cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở GDMN trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính. Đồng thời Bộ GDĐT báo cáo giải trình thêm các ý kiến của Bộ Tài chính như sau:</p> <p>- Về chính sách cho trẻ em mẫu giáo: Bộ đã có ý kiến giải trình ở phần tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về chính sách cho trẻ em mẫu giáo của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ KH&amp;ĐT, UBND.</p>

<sup>4</sup> Điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

<sup>5</sup> Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

<sup>6</sup> Tại điểm b khoản 1 Điều 47 Luật Giáo dục cũng quy định *Trường dân lập do cộng đồng dân cư ở cơ sở gồm tổ chức và cá nhân tại thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc, xã, phường, thị trấn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện hoạt động*.

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi được hỗ trợ tối thiểu 960.000 đồng/tháng.</p> <p>Vì vậy, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT rà soát các chính sách để đảm bảo tránh trùng lặp với các chính sách đã được quy định và thuyết minh cơ sở đề xuất các chính sách được hưởng đối với trẻ em mẫu giáo và giáo viên mầm non, làm rõ cách tính chính sách hỗ trợ thu hút tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản cho giáo viên mầm non đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định hiện hành.</p>	<p>- Về cách tính toán chính sách thu hút cho đội ngũ giáo viên mầm non đã giải trình ở nội dung góp ý đối với ý kiến của Bộ Tài chính.</p> <p>- Về chính sách hỗ trợ CBQL, GVMN, NV thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi. Bộ GD&amp;ĐT báo cáo giải trình thêm như sau:</p> <p>Tại báo cáo đánh giá kết quả phát triển GDMN giai đoạn 2011-2023, Bộ GD&amp;ĐT đã báo cáo một số khó khăn, vướng mắc của đội ngũ cấp học mầm non như: CBQL thiếu trên 2700 người, GVMN thiếu trên 51.000 người, đội ngũ nhân viên trường học cũng thiếu trên 5.000 người. Như vậy, với khối lượng công việc hiện nay tại các cơ sở GDMN là rất lớn, riêng đội ngũ giáo viên mầm non vừa thiếu lại vừa phải làm nhiệm vụ vượt giờ theo Luật Lao động (mỗi ngày làm từ 9-10h/ngày), trong khi tính chất công việc phức tạp ảnh hưởng trực tiếp tới trẻ em mà mức lương chưa tương xứng nên trong thời gian qua nhiều GVMN, NV trường học bỏ nghề, không thu hút được nhiều GVMN mới.</p> <p>Ngoài ra, khi triển khai phổ cập mẫu giáo khối lượng công việc sẽ tăng rất nhiều và áp lực đồng thời tăng cao lên đội ngũ. Để thực hiện công tác phổ cập GDMN các CBQL, GV, NV nhà trường ở các địa phương phải thực hiện thêm nhiều nhiệm vụ đặc biệt là phải vận động, huy động trẻ ra lớp, điều tra dân số ở từng thôn, bản... mà hiện nay chủ yếu là ở địa bàn khó khăn và ĐBKK; các nhiệm vụ này phát sinh thêm so với công việc của đội ngũ, trong khi đội ngũ toàn cấp học đều thiếu. Vì vậy, để có chính sách giữ chân, thu hút đội ngũ này cần có chính sách hỗ trợ cho CBQL, GVMN, NV trong thực hiện nhiệm vụ phổ cập để đội ngũ yên tâm công tác. Bộ GD&amp;ĐT</p>



TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>c) Về quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Dự thảo Đề cương chi tiết Nghị quyết: <i>“Cho phép tuyển dụng người <u>tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non</u>, cam kết hoàn thành việc đào tạo nâng chuẩn đối với đội ngũ giáo viên này để chậm nhất đến năm 2030 đạt trình độ chuẩn đào tạo theo đúng quy định của Luật Giáo dục”</i>:  Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục:  <i>“ 1. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được quy định như sau:  a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non”</i>.</p> <p>Vì vậy, trường hợp cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non như nội dung dự thảo Đề cương Nghị quyết, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT thuyết minh rõ nội dung đề xuất cần phù hợp với lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở: <i>“Giai đoạn 1: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 60% số giáo viên mầm non đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm; Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên tiểu học hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân”</i>. Đồng thời, đề nghị tổng hợp ý kiến của Bộ Nội vụ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	<p>đã tính toán chi tiết và đảm bảo không trùng lặp các chính sách cho đội ngũ.</p> <p>c) Đối với chính sách cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non... Bộ GDĐT đã tiếp thu và bỏ ra khỏi dự thảo Nghị quyết.</p>
	<p><b>2. Bộ Tư pháp</b></p> <p>(i) Về chính sách thu hút giáo viên mầm non công lập và hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non</p> <p>Cơ quan chủ trì lập Đề nghị đề xuất giải pháp <i>giáo viên mầm non công lập được tuyển dụng mới từ năm học 2025-2026... đáp ứng nhiệm vụ phổ cập giáo dục mẫu giáo được hưởng chính sách thu hút, ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ sở</i> (giải pháp 2 tiêu mục 2.3 mục II.2 trang 17). Bộ Tư pháp nhận thấy,</p>	<p>Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.  Bộ GDĐT báo cáo thêm như sau:  - Về các chính sách đối với đội ngũ hiện nay dự thảo đã có chính sách thu hút đội ngũ (hỗ trợ 01 năm lương tối thiểu); có chính sách hỗ trợ hàng tháng (960.000 đồng/người/tháng). Riêng đối với chính sách hỗ trợ 960.000 đồng hiện nay dự thảo đang đề nghị hỗ trợ cùng</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>tại hồ sơ cơ quan chủ trì soạn thảo nêu các khó khăn, vướng mắc trong việc tuyển dụng, sử dụng giáo viên mầm non là do mức lương thấp dẫn đến nhiều giáo viên không tiếp tục làm việc. Tuy nhiên, cũng tại hồ sơ Nghị quyết cơ quan chủ trì lập Đề nghị mới chỉ đề xuất chính sách ưu đãi khi tuyển dụng là 01 năm tiền lương. Trong khi đó, để thực hiện được phổ cập giáo dục thì giáo viên là một trong những điều kiện quyết định. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập Đề nghị nghiên cứu thêm các cơ chế, chính sách để thu hút giáo viên mầm non, đảm bảo các chế độ chính sách cho đối tượng này, đặc biệt là đối với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm việc quy định mức hỗ trợ tương đương giữa cán bộ quản lý, nhân viên với giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ, vì công việc của mỗi đối tượng này có vị trí tính chất khác nhau, đặc biệt là đối với giáo viên trực tiếp thực hiện việc giảng dạy.</p> <p>Bên cạnh đó, Đề cương dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể các mức hỗ trợ đối với trẻ em mẫu giáo (mục 1.2 khoản 1 Điều 3) và mức hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non (khoản 2 Điều 3). Tuy nhiên, Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 quy định Chính phủ <i>quyết định chính sách cụ thể về giáo dục để bảo đảm phát triển giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội</i> (khoản 2 Điều 11), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định Chính phủ ban hành nghị định để <i>quy định các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, ... giáo dục</i> (khoản 2 Điều 19). Do đó, đề nghị cân nhắc việc quy định nội dung nêu trên tại Đề cương dự thảo Nghị quyết.</p> <p>Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì lập Đề nghị giải trình thêm về sự cần thiết hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non trực tiếp</p>	<p>mức cho cả 3 đối tượng là CBQL, GV, NV khi thực hiện nhiệm vụ PCGDMNTMG; Ngoài ra, các cơ chế, chính sách để thu hút giáo viên mầm non, đảm bảo các chế độ chính sách cho đối tượng này, đặc biệt là đối với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sẽ tiếp tục được nghiên cứu để đưa vào Luật Nhà giáo.</p> <p>Qua ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ GDĐT sẽ làm rõ nghĩa cụm từ <i>trực tiếp thực hiện công tác phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo</i> như sau:</p> <p>Các công việc CBQL, GV, NV tham gia thực hiện gồm một số nhiệm vụ trọng tâm như đã thực hiện khi triển khai PCGDMNTNT ở giai đoạn 2011-2024 gồm: xây dựng và triển khai KH PCGDMG, tham gia các ban chỉ đạo, tổ giúp việc thực hiện phổ cập, tổ chức hỗ trợ, kiểm tra, thanh tra về công tác huy động trẻ, thực hiện chính sách cho trẻ, đảm bảo các điều kiện để thực hiện phổ cập; tham gia điều tra dân số trẻ em, tới từng hộ dân ở từng thôn bản để vận động, huy động, giúp đỡ và khuyến khích trẻ em mẫu giáo ra lớp; thực hiện kịp thời và đảm bảo các chính sách hiện hành cho trẻ, trực tiếp đảm bảo an toàn, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN, đảm bảo tỉ lệ đi học chuyên cần... để chuẩn bị cho trẻ em mẫu giáo sẵn sàng vào học lớp 1.</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, vì việc xác định <i>trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập</i> là rất khó xác định.</p> <p>(ii) Về việc cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non (điểm d khoản 2 Điều 3 Đề cương dự thảo Nghị quyết)</p> <p>Điểm d khoản 2 Điều 3 Đề cương dự thảo Nghị quyết quy định <i>cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non, cam kết hoàn thành việc đào tạo nâng chuẩn đối với đội ngũ giáo viên này để chậm nhất đến năm 2030 đạt trình độ chuẩn đào tạo theo đúng quy định của Luật Giáo dục</i>. Về vấn đề này, điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục đã quy định về trình độ chuẩn đào tạo đối với nhà giáo là <i>có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non</i>. Như vậy, theo quy định của Luật Giáo dục thì giáo viên mầm non phải có bằng cao đẳng sư phạm trở lên. Trong khi đó, hồ sơ chưa thực hiện đánh giá đối với đề xuất này. Việc nâng chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên là một trong những điểm mới của Luật Giáo dục, hơn nữa, sau khi Luật Giáo dục năm 2019 có hiệu lực thì việc tuyển sinh và đào tạo đối với trung cấp sư phạm mầm non đã không được thực hiện. Vì vậy, cần cân nhắc thêm về tính khả thi, hợp lý của quy định này.</p> <p>Bên cạnh đó, tại Đề cương dự thảo Nghị quyết mới chỉ nêu chính sách mà chưa có các điều kiện đảm bảo việc thực hiện quy định này như: các trường hợp được thực hiện tuyển dụng đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non; địa bàn được thực hiện tuyển dụng (nên cân nhắc chỉ áp dụng đối với những địa bàn hiện những vùng kinh tế khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...)... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập Đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá và quy định các cơ chế kiểm soát trong việc thực hiện giải pháp này.</p>	<p>- Về ý kiến “cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non (điểm d khoản 2 Điều 3 Đề cương dự thảo Nghị quyết)”. Bộ GDĐT đã tiếp thu bỏ ra khỏi dự thảo Nghị quyết.</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p><b>3. Ủy ban Dân tộc</b></p> <p>Về nội dung chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non: không nên cào bằng giữa các địa bàn, khu vực vì điều kiện kinh tế - xã hội ở các xã thuộc khu vực đặc biệt khó khăn (khu vực III), xã thuộc khu vực II (khu vực còn khó khăn), xã thuộc khu vực I (khu vực bước đầu phát triển) có sự khác biệt rất rõ rệt. Chính sách này nên có định mức hỗ trợ khác nhau theo từng địa bàn, khu vực, tạo điều kiện thu hút, động viên đội ngũ giáo viên mầm non yên tâm công tác và luôn nỗ lực quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ phổ cập.</p>	<p>Bộ GD&amp;ĐT tiếp thu ý kiến, tuy nhiên qua rà soát, các chính sách cho đội ngũ CBQL, GV, NV vùng khó khăn cũng đã được quy định trong nhiều văn bản của Chính phủ (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 76/2019/NĐ-CP...); các chính sách cần bổ sung sẽ tiếp tục được đề xuất đưa vào Luật Nhà giáo.</p>
<b>5</b>	<b>Về Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết</b>	
	<p><b>1. Bộ Tài chính</b></p> <p>a) Theo báo cáo của Bộ GD&amp;ĐT khi triển khai trên phạm vi cả nước, dự kiến kinh phí NSNN thực hiện chính sách là 8.561 tỷ đồng/năm (tính theo lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng), bao gồm kinh phí thực hiện chính sách cho giáo viên mầm non và trẻ em mẫu giáo là 4.957 tỷ đồng/năm; kinh phí đầu tư mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non là 3.604 tỷ đồng/năm, nhưng chưa nêu rõ nguồn NSNN lồng ghép từ các chương trình hiện có (CTMTQG, chương trình hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030 theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ,...), nguồn NSNN phải bổ trí thêm (kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư công từ NSNN) nên không có cơ sở để tham gia về việc cân đối nguồn lực khi mở rộng phạm vi như đề xuất của Bộ GD&amp;ĐT.</p> <p>Do kinh phí thực hiện các chính sách về phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi thuộc nội dung chi của NSDP. Vì vậy, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT tổng hợp ý kiến của các địa phương đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện (trong đó đề nghị: (1) phân định rõ nguồn vốn đầu tư, vốn thường xuyên và nguồn kinh phí khác; (2) chi tiết nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chính sách được đề xuất tại dự thảo Nghị quyết).</p> <p>b) Về đề xuất nguồn kinh phí của các CTMTQG:</p> <p>- Giai đoạn 2021-2025, đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp GDMN thuộc nội dung đầu tư phát triển hạ tầng tại 03 CTMTQG; nguyên tắc, tiêu chí, định mức</p>	<p>Bộ GD&amp;ĐT báo cáo như sau:</p> <p>- Kinh phí đầu tư đã nằm ở CT MTQG: ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị vùng khó khăn;</p> <p>- Các tỉnh thuận lợi: nằm trong kinh phí phân cấp theo quy định</p> <p>Do kinh phí thực hiện các chính sách về phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi thuộc nội dung chi của NSDP. Vì vậy, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT tổng hợp ý kiến của các địa phương đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện (trong đó đề nghị: (1) phân định rõ nguồn vốn đầu tư, vốn thường xuyên và nguồn kinh phí khác; (2) chi tiết nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chính sách được đề xuất tại dự thảo Nghị quyết): <u>nhất trí tiếp thu, Bộ GD&amp;ĐT đã tính toán và thuyết minh các nguồn vốn đầu tư và kinh phí chi thường xuyên.</u></p> <p>Hiện nay Chính phủ đã giao Ủy ban Dân tộc bổ sung đối tượng thụ hưởng là giáo dục mầm non vào giai đoạn 2 CT</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện theo từng CTMTQG theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021, số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022).</p> <p>- Giai đoạn 2026-2030 hiện nay mới có chủ trương thực hiện 02 CTMTQG là: CTMTQG về phát triển văn hóa và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chưa có chủ trương xây dựng các CTMTQG khác.</p> <p>Tuy nhiên, tại mục Kinh phí thực hiện Nghị quyết, bao gồm cả lồng ghép từ nguồn vốn của các CTMTQG (gồm: CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.</p> <p>Trường hợp việc phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi sử dụng vốn của các CTMTQG, việc phân bổ và cơ chế quản lý tài chính thực hiện theo cơ chế của các CTMTQG, nguyên tắc phân bổ vốn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tương ứng với từng CTMTQG. Đối với vốn đầu tư công phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đầu tư công hiện hành.</p> <p>Việc đề xuất chung nguyên tắc phân bổ vốn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các công trình như dự thảo là chưa phù hợp.</p> <p>c) Bộ Tài chính đã có công văn số 9401/BTC-HCSN ngày 05/9/2023 gửi Bộ GD&amp;ĐT. Trong đó, đề nghị sửa như sau:</p> <p><i>“Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- NSNN theo phân cấp ngân sách hiện hành;</li> <li>- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác”.</li> </ul> <p>Vì vậy, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT tiếp thu nội dung về nguồn kinh phí theo ý kiến Bộ Tài chính đã tham gia, nhất là việc đánh giá tác động tới ngân sách nhà nước đối với chính sách đề xuất.</p>	<p>MTQG phát triển đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kinh phí đầu tư cho các xã khu vực I, II, II xây dựng trường lớp và thiết bị sẽ được nhà nước đầu tư theo CT này; 02 nguồn khác, Chính phủ sẽ cân nhắc để các địa phương khó khăn có nguồn đầu tư xây dựng trường, lớp học đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ.</p> <p>c) Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Bộ Tài chính, Bộ GDĐT đã chỉnh sửa Điều 4 Dự thảo Nghị quyết, như sau:</p> <p>1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành: nguồn chi thường xuyên (sự nghiệp giáo dục, đào tạo); vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030; vốn từ Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030 theo Quyết</li> </ul>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p>định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.</p> <p>- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.</p> <p>2. Cơ cấu ngân sách thực hiện phổ cập mẫu giáo Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Chính phủ quy định chi tiết điều này.</p> <p>3. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.</p>
<b>II.</b>	<b>VỀ HỒ SƠ, DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ</b>	
	<p><b>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</b></p> <p>Đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu bổ sung Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi vào hồ sơ trình bảo đảm đúng quy định.</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư những nội dung liên quan đến quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>Bộ GDĐT sẽ bổ sung Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi kèm theo hồ sơ Nghị quyết sau khi được Chính phủ thông qua hồ sơ lập</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		đề nghị dựng Nghị quyết để đảm bảo các loại hồ sơ theo Luật ban hành văn bản.
<b>III.</b>	<b>Ý KIẾN KHÁC CỦA CÁC BỘ, NGÀNH</b>	
	<p><b>1. Bộ Tài chính</b></p> <p>Hiện nay, Bộ GD&amp;ĐT đang xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN. Do vậy, đề nghị rà soát các nội dung tại hồ sơ xây dựng 02 Nghị quyết (đổi mới Chương trình GDMN và phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi), đảm bảo tránh trùng lặp về mục tiêu, nội dung dẫn tới lãng phí nguồn kinh phí thực hiện.</p> <p>Đồng thời, đề nghị Bộ GD&amp;ĐT nghiên cứu rà soát kế thừa các nội dung tại Báo cáo về Đổi mới, phát triển GDMN giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 làm cơ sở để xây dựng các nội dung tại Nghị quyết cho phù hợp.</p> <p>- Đề nghị Bộ GD&amp;ĐT bổ sung Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý vào Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, Bộ GD&amp;ĐT đã có bản tiếp thu giải trình ý kiến các Bộ ngành, đơn vị.</p> <p>Bộ GD&amp;ĐT đã rà soát, không trùng lặp, đảm bảo tính liên thông trong việc sử dụng nguồn lực của các Chương trình, Đề án để thực hiện mục tiêu của 02 Nghị quyết nêu trên.</p>
	<p><b>2. Bộ Tư pháp</b></p> <p><b>1. Về hình thức văn bản</b></p> <p>Khoản 1 Điều 14 Luật Giáo dục quy định <i>Giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc. Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở</i>; đồng thời Điều 14 Luật Giáo dục quy định trách nhiệm trong việc thực hiện phổ cập giáo dục: <i>Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện giáo dục bắt buộc trong cả nước; quyết định kế hoạch, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục (khoản 2); Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc (khoản 3); Gia đình, người giám hộ có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để thực hiện phổ cập giáo dục và hoàn thành giáo dục bắt buộc (khoản 4)</i>. Như vậy, việc phổ cập giáo dục hiện nay được quy định tại Luật Giáo</p>	<p><b>1. Về hình thức văn bản</b></p> <p>Bộ GD&amp;ĐT nhất trí tiếp thu, Bộ sẽ đề nghị sửa Luật Giáo dục trong thời gian tới để bổ sung đối tượng phổ cập, cơ chế, chính sách bảo đảm trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong việc thực hiện phổ cập giáo dục... ; Luật hóa các chính sách, đảm bảo hợp hiến và hợp pháp, giúp địa phương thực hiện thuận lợi, đúng Luật.</p> <p>Tuy nhiên, do Nghị quyết số 42 yêu cầu "khẩn trương thực hiện" và đến 2030 phải hoàn thành mục tiêu phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên phạm vi toàn quốc, trong thời điểm hiện nay việc sửa đổi</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>dục. Do đó, để thực hiện <i>hoàn thành việc phổ cập giáo dục cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi</i> theo yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 42-NQ/TW thì cần sửa đổi các quy định tại Luật Giáo dục để bổ sung đối tượng phổ cập, cơ chế, chính sách bảo đảm trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong việc thực hiện phổ cập giáo dục... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu thêm về hình thức văn bản để quy định các vấn đề đã nêu.</p> <p><b>2. Về tên gọi văn bản</b></p> <p>Dự thảo Nghị quyết xác định tên gọi là Nghị quyết phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi; đồng thời, tại dự thảo Tờ trình xác định việc xây dựng Nghị quyết căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) để quy định <i>những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội</i>. Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề phổ cập giáo dục thì khoản 1 Điều 14 Luật Giáo dục đã quy định rõ <i>Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở</i>, như vậy, Luật Giáo dục năm 2019 không quy định việc phổ cập đối với trẻ em 3, 4 tuổi. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết là <b>khác</b> so với Luật Giáo dục và thuộc trường hợp “<i>thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị chỉnh lý tên gọi của Nghị quyết cho phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Luật Giáo dục chưa thể thực hiện được nên Bộ GDĐT đề xuất xây dựng và ban hành Nghị quyết của Quốc hội để kịp thời thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội (phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên phạm vi toàn quốc) theo yêu cầu của Nghị quyết số 42-NQ/TW.</p> <p><b>2. Về tên gọi của văn bản.</b></p> <p>Bộ GDĐT báo cáo về tên gọi của Nghị quyết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW giao cho Bộ GDĐT xây dựng "Nghị quyết của Quốc hội về PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi"</li> <li>- Việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị Trung ương tám khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) và theo Khoản 2, Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định Quốc hội ban hành Nghị quyết quốc hội để quy định “e) những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội”; tại khoản 3, Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội có thẩm quyền “3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế xã hội của đất nước” và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy</li> </ul>



TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<p><i>định hiện hành, việc tham mưu cho Quốc hội ban hành Nghị quyết là phù hợp về thẩm quyền theo quy định của pháp luật để triển khai PCGDMNTMG theo Nghị quyết số 42-NQ/TW trên toàn quốc thì việc xác định tên của Nghị quyết là phù hợp với quy định.</i></p>
	<p><b>3. Bộ Lao động, TB&amp;XH</b></p> <p>- Hồ sơ lập đề nghị xây dựng NQ PCGDMNTMG từ 3 đến 5 tuổi đảm bảo theo quy định tại Điều 59, Luật ban hành văn bản QPPL;</p> <p>- Nhất trí về sự cần thiết của PCGDMNTMG từ 3 đến 5 tuổi, nâng cao tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi MG được tiếp cận GDMN, bảo đảm hầu hết trẻ em MG ở mọi vùng, miền tại các tỉnh, TP được đến lớp để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và GD theo Chương trình GDMN nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào học lớp 1.</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí.</p>
	<p><b>4. Bộ Nội vụ</b></p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi để cụ thể hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị Trung ương tám khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) và thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW.</p> <p>2. Theo dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả phát triển giáo dục mầm non và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2011-2023 (sau đây gọi tắt là dự thảo Báo cáo) và dự thảo Tờ trình về việc xây dựng Nghị quyết phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi (sau đây gọi tắt là dự thảo Tờ trình) thì hiện nay cả nước còn 6,9% trẻ mẫu giáo từ 3-5 tuổi chưa được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do vậy, để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho số trẻ mẫu giáo</p>	<p>Nhất trí tiếp thu, Bộ GDĐT đã tính toán nhu cầu về đất đai, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường, lớp, trang thiết bị, số lượng người làm việc, kinh phí... để thực hiện phổ cập cho số trẻ mẫu giáo và đã đề xuất các đề án,, chương trình để đảm bảo nguồn lực thực hiện phổ cập.</p> <p>Các tính toán này đã được Bộ GDĐT nêu đầy đủ trong Dự thảo Tờ trình và báo cáo tác động xây dựng Nghị quyết.</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>này, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung làm rõ trong Báo cáo và Tờ trình một số nội dung sau:</p> <p>a) Làm rõ số trẻ mẫu giáo từ 3-5 tuổi của từng địa phương chưa được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Trên cơ sở đó xác định rõ nhu cầu về đất đai, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường, lớp, trang thiết bị, số lượng người làm việc, kinh phí... để thực hiện phổ cập cho số trẻ mẫu giáo này.</p> <p>b) Bổ sung, làm rõ các giải pháp huy động các nguồn lực để thực hiện phổ cập, đặc biệt là giải pháp về số lượng người làm việc (đội ngũ giáo viên), bảo đảm phù hợp với chủ trương tinh giản biên chế tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW2, thẩm quyền quyết định biên chế quy định tại Quyết định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị và thực trạng việc bố trí, quản lý, sử dụng số biên chế giáo viên được Bộ Chính trị bổ sung cho giai đoạn 2022-2026 (tại Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022); Đồng thời đánh giá kỹ tác động và tính khả thi của các giải pháp.</p>	
	<p><b>5. Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</b> Nhất trí dự thảo Hồ sơ của Bộ GDĐT trình Chính phủ phê duyệt hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết. Hồ sơ đã nêu rõ cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn, kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy sự cần thiết phải xây dựng và ban hành NQ của Quốc hội.</p>	Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến góp ý.
	<p><b>6. Ủy ban Dân tộc</b> Cần có lộ trình thực hiện việc phổ cập mang tính bền vững, phù hợp với từng địa bàn, địa phương, tránh chạy theo thành tích; chuẩn bị trước một bước về đội ngũ, cơ sở vật chất trước khi triển khai. Nguồn đầu tư cho phổ cập cần có trọng tâm, trọng điểm trách dân trải, xem xét ưu tiên đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xem xét bổ sung nhiệm vụ cho các tổ chức chính trị xã hội như: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,... tham gia công tác tuyên truyền, thông tin về chính sách phổ cập giáo dục để vận động các hộ gia đình có trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi tích cực tham gia thực hiện phổ cập giáo dục. Điều chỉnh lại đúng thứ tự các Chương của dự thảo Nghị định, cụ thể tại trang 4 ghi Chương IV, trang 6 ghi Chương III.</p>	Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, hồ sơ Nghị quyết đã xây dựng lộ trình và đề xuất các nguồn lực cần thiết để triển khai.

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>Khi xây dựng Chương trình học phổ cập cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, cần dành nhiều thời lượng cho việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số, để các trẻ sớm tiếp cận tiếng Việt với mục đích chuẩn bị tâm thế sẵn sàng, tạo hứng thú, chủ động cho trẻ trong học tập; hình thành một số kỹ năng học tập cơ bản và năng lực sử dụng tiếng Việt, kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội cho trẻ.</p>	<p>Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu và có giải pháp ưu tiên thời lượng cho việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số, để các trẻ sớm tiếp cận tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.</p>
	<p><b>7. Bộ Tư pháp: Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách lập đề nghị xây dựng Nghị quyết</b></p> <p>Cơ quan chủ trì soạn thảo xác định 03 chính sách gồm:</p> <p>Chính sách 1. Bố trí nguồn lực tài chính ngân sách và ưu đãi đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;</p> <p>Chính sách 2. Chính sách thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với giáo viên mầm non, bảo đảm đội ngũ giáo viên mầm non để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;</p> <p>Chính sách 3. Hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập, đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở giáo dục mầm non để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá chính sách trên cơ sở các nội dung tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP). Tuy nhiên, để hoàn thiện dự thảo hồ sơ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý thêm, cụ thể:</p> <p>(i) Về đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật: nội dung đánh giá tại dự thảo tương đối sơ sài, mới chỉ nêu <i>giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam</i>. Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy việc ban hành Nghị quyết là chưa đảm bảo thống nhất với Luật Giáo dục về đối tượng phổ cập giáo dục, đồng thời, tại hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị quyết cũng đề xuất giải pháp <i>cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non</i> (giải pháp 2 Chính sách 2) là khác với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Giáo dục. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá theo hướng phân tích, dự báo tác</p>	<p>Nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp.</p> <p>Bộ GDĐT báo cáo giải trình thêm như sau:</p> <p>- Tại báo cáo đánh giá tác động đã đưa ra các chính sách để triển khai thực hiện; mỗi chính sách Bộ GDĐT đã đề xuất 3 giải pháp, từ đó đánh giá tác động theo yêu cầu của báo cáo; đồng thời đã chỉ rõ tác động về KTXH, về tài chính... Sau đó đã đề xuất giải pháp lựa chọn để tham mưu cho Chính phủ và Quốc hội.</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật... theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p>(ii) Nội dung đánh giá, tác động còn mang tính chủ quan, thiếu cơ sở lý luận hoặc thực tiễn để đánh giá, như: <i>nhận định không có tác động tiêu cực cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi</i> (giải pháp 3 Chính sách 1), trong khi đó, nhiệm vụ, mục tiêu của giáo dục mầm non là <i>thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi</i> (khoản 1 Điều 23 Luật Giáo dục). Như vậy nội dung này có tác động rất lớn đến trẻ em trong lứa tuổi này, vì vậy cũng sẽ đặt ra yêu cầu đối với trẻ em cũng như trách nhiệm của gia đình trong việc đưa các em đến trường, lớp; giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Tuy nhiên, đối tượng hưởng thụ chính sách là trẻ em gồm cả trẻ em gái và trẻ em trai, do đó, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với các em cũng có thể khác nhau... Do đó, đề nghị nghiên cứu đánh giá.</p>	<p>- Về nội dung tuyển dụng <i>người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non</i> Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến các Bộ và bỏ ra khỏi dự thảo báo cáo đánh giá tác động.</p> <p>- Về tác động đối với trẻ em mẫu giáo: Hiện nay qua đánh giá kết quả phát triển GDMN hằng năm, việc trẻ em không được huy động đến trường mới có tính chất tiêu cực; nếu như Nghị quyết này được thông qua thì sẽ chủ yếu là tác động tích cực do trẻ em được nhà nước hỗ trợ về chính sách, trường lớp, cơ sở vật chất để trẻ em có mọi điều kiện được tiếp cận giáo dục, được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo Chương trình GDMN quốc gia; Chương trình GDMN đã được xây dựng bài bản, khoa học, nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục không có sự phân biệt giữa trẻ em trai và trẻ em gái, chất lượng được quan tâm như nhau để đảm bảo toàn bộ trẻ em tới cơ sở GDMN được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục ở môi trường có chất lượng qua đó sẵn sàng vào học lớp 1, từ đó làm nền tảng cho việc học tốt ở các cấp học sau này. Về cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn Bộ GDĐT đã trình bày đầy đủ tại Dự thảo Tờ trình Chính phủ.</p>
<b>B-</b>	<b>Ý KIẾN GÓP Ý CỦA UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ</b>	
<b>I.</b>	<b>DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUỐC HỘI</b>	
<b>1</b>	<b>Căn cứ pháp lý, sự cần thiết</b>	
	Có 01 đơn vị (Quảng Trị) tham gia ý kiến, bổ sung thêm cụm từ " <i>khẩn trương thực hiện</i> "	Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa vào Nghị quyết
<b>2</b>	<b>Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b>	
	<p>Có 05 đơn vị góp ý (Tuyên Quang, Lạng Sơn, Điện Biên, Đắk Lắk, Đắk Nông), các ý kiến tập trung vào một số nội dung như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ...;</li> <li>- Đề nghị bổ sung nội dung giải thích rõ "người trực tiếp làm công tác phổ cập giáo dục mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non".</li> </ul>	<p>Bộ GDĐT đã tiếp nhận ý kiến góp ý, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã chỉnh sửa một số nội dung theo ý kiến góp ý;</li> <li>- Đã bổ sung giải trình như giải trình ý kiến của Bộ Tư pháp;</li> </ul>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	- Đề nghị chính sách thu hút giáo viên chỉ áp dụng ở vùng khó khăn (Tuyên Quang);	- Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo về chính sách thu hút do hiện nay đội ngũ GVMN thiếu trên phạm vi toàn quốc chứ không chỉ ở vùng khó khăn.
<b>3</b>	<b>Quan điểm của Dự thảo Nghị quyết</b>	
	<p>Có 01 đơn vị góp ý (Tp Hà Nội), các ý kiến tập trung vào một số nội dung như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ mô hình trường MN công lập chất lượng cao có thuộc đối tượng được nhà nước hỗ trợ kinh phí cho phổ cập không?</li> </ul> <p>- Điều chỉnh, bổ sung một số cụm từ về chuyên môn theo Chương trình GDMN;</p>	<p>Bộ GDĐT đã tiếp nhận ý kiến góp ý, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện nay Luật Giáo dục và các văn bản hiện hành chưa quy định rõ ràng về mô hình trường MNCL chất lượng cao. Các chính sách đầu tư phát triển trường lớp nói chung để thực hiện PCMG đã nêu trong Dự thảo Nghị quyết. Việc đầu tư các chính sách cho các cơ sở GDMN để thực hiện phổ cập là mục tiêu chung, Chính phủ sẽ ưu tiên đầu tư cho có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tập trung đông dân cư (Quyết định số 1677/QĐ-TTg). Đối với các địa bàn còn lại các địa phương trên cơ sở thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 để lựa chọn các giải pháp đầu tư cho phù hợp với tình hình phát triển KTXH ở địa phương.</li> <li>- Bộ GDĐT đã chỉnh sửa các từ ngữ, diễn đạt trong dự thảo theo góp ý của TP Hà Nội.</li> </ul>
<b>4</b>	<b>Về các cơ chế, chính sách thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo</b>	
<b>4.1.</b>	<b>Về chính sách đối với trẻ em mẫu giáo</b>	
	<p>Có 20 đơn vị góp ý (Thái Bình, Quảng Ninh, Quảng Nam, Ninh Thuận, Nghệ An, Hậu Giang, Hà Nội, Hà Nam, Lạng Sơn, Điện Biên, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Định, Bến Tre, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Đắk Lắk, Đắk Nông, Sơn La, Tuyên Quang), các ý kiến tập trung vào một số nội dung như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ...;</li> </ul>	<p>Bộ GDĐT đã tiếp nhận ý kiến góp ý, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ GDĐT đã chỉnh sửa một số nội dung theo ý kiến góp ý;</li> </ul>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>- Đề nghị bổ sung trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được miễn học phí như 5 tuổi để đảm bảo công bằng (Thái Bình, Hậu Giang, Bình Định, Bình Dương, Bến Tre);</p> <p>- Xem xét mở rộng thêm đối với các GV trực tiếp giảng dạy tại lớp Nhà trẻ bởi lứa tuổi này cũng rất vất vả trong công tác chăm sóc giáo dục (TP Hà Nội).</p> <p>- Trình bày lại về đối tượng theo địa bàn hành chính cấp xã theo quy định tại <i>Quyết định 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Chính phủ quy định về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn</i>; <i>thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền. (Quảng Ninh, Quảng Nam, Ninh Thuận, Nghệ An, Lâm Đồng, Bắc Kạn).</i></p> <p>- Tại Mục c Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 3 đề cơ quan soạn thảo <i>xem xét không quy định mức tối thiểu và chỉnh sửa lại là: “c) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng mục a, b, c khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa là 360.000 đồng/tháng/trẻ em (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học” (Điện Biên).</i></p> <p>- Tại mục 1.2. Nội dung hướng chính sách quy định tại Điều 4, Điều 8: đề nghị đưa mức hỗ trợ tối thiểu/tháng được tính bằng tỉ lệ % mức lương cơ bản tối thiểu tại thời điểm (năm học) trẻ em mẫu giáo học tại trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập mẫu giáo (thay cho việc đưa số tiền cụ thể/tháng như trong Dự thảo sẽ đảm bảo tính phù hợp, lâu dài hơn) - Đắk Lắk, Đắk Nông.</p>	<p>- Bộ GDĐT đã sửa đổi Nghị quyết: Miễn toàn bộ học phí cho trẻ em mẫu giáo 3, 4 tuổi như 5 tuổi.</p> <p>- Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, đối tượng GV dạy trẻ em nhà trẻ không thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết này.</p> <p>- Bộ GDĐT đã chỉnh sửa một số nội dung theo ý kiến góp ý;</p> <p>Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tại khoản 2 Điều 5 đã dự thảo " Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở các văn bản, chính sách, hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách, văn bản phù hợp với thẩm quyền và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương để tổ chức thực hiện và giám sát việc triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương theo Nghị quyết này.". Qua đó, các địa phương tùy vào điều kiện KTXH sẽ quy định mức hỗ trợ khác nhau nhưng không thấp hơn mức 360.000 đ/tháng/trẻ.</p> <p>- Bộ GDĐT báo cáo thêm như sau: Khi xây dựng các Nghị định như ND 81, 105, Bộ Tài chính không nhất trí quy định ghi theo tỷ lệ % vì vậy Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như trình bày tại Dự thảo.</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>- Đề xuất Nâng số tiền hỗ trợ ăn cho trẻ lên 450,000 đồng/trẻ/tháng (Sơn La).</p>	<p>- Bộ GDĐT báo cáo thêm như sau: mặc dù đây là mong muốn của ngành GDĐT và của nhiều Bộ, ngành, nhân dân nhưng do điều kiện chung về KTXH của đất nước còn khó khăn vì vậy, Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, Bộ sẽ tiếp tục tham mưu cho Chính phủ để từng bước nâng lên theo mong muốn của địa phương.</p>
<b>4.2.</b>	<b>Về chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non</b>	
	<p><i>Có 02 đơn vị góp ý (Điện Biên, Kon Tum), các ý kiến tập trung vào một số nội dung như:</i></p> <p>- Tham gia ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ...;</p> <p>- Bổ sung thêm hệ thống các phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ, nhà/khu vệ sinh cho trẻ mẫu giáo để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.</p> <p>- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc sớm điều chỉnh, bổ sung nội dung hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các cơ sở giáo dục mầm non vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</p>	<p>Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến</p> <p>- Bộ GDĐT đã chỉnh sửa một số nội dung theo ý kiến góp ý;</p> <p>- Các khối công trình quản trị, phụ trợ đã được quy định tại Đề án đảm bảo CSVC cho chương trình GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030.</p> <p>- Về ý kiến đề nghị bổ sung GDMN vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Tại Nghị quyết số 68/NQ-CP đã giao cho Ủy ban dân tộc xây dựng và đề xuất sửa đổi QĐ số 1719 để bổ sung GDMN vào đối tượng thụ hưởng.</p>
<b>4.3</b>	<b>Chính sách đối với Đội ngũ CBQL, GV, NV</b>	
	<p><i>Có 20 đơn vị góp ý (Tiền Giang, Thái Bình, Quảng Ninh, Quảng Bình, Nghệ An, Lai Châu, Khánh Hòa, Hậu Giang, TP Hải Phòng, Hà Nam, Bình Thuận, Tuyên Quang, Sơn La, Lạng Sơn, Điện Biên, Bắc Giang, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bến Tre, Bắc Ninh, Lâm Đồng), các ý kiến tập trung vào một số nội dung như:</i></p> <p>- Tham gia ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ...;</p>	<p>Bộ GDĐT đã tiếp nhận ý kiến góp ý, như sau:</p> <p>- Bộ GDĐT đã chỉnh sửa một số nội dung theo ý kiến góp ý;</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị làm rõ vì hầu hết cán bộ quản lý và giáo viên đều là những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non (điều tra, huy động trẻ, cập nhật số liệu, nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ), lý do liên quan đến kinh phí (Tiền Giang, Quảng Ninh).</li> <li>- Đề nghị “Giáo viên hưởng chính sách thu hút phải cam kết công tác tại cơ sở giáo dục mầm non công lập được tuyển dụng ít nhất 5 năm, được hưởng chính sách sau khi đủ 5 năm công tác từ thời điểm tuyển dụng.” (Quảng Ninh).</li> <li>- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi cụm từ “01 năm tiền lương cơ bản” bằng số tiền cụ thể để phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. (Lai Châu, Tuyên Quang).</li> <li>- Đề nghị chính sách hỗ trợ 960.000 chỉ áp dụng đối với các cơ sở GDMN thuộc địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ (Khánh Hòa).</li> <li>- Đề nghị dự thảo chính sách hỗ trợ giáo viên bằng tỷ lệ % (Hậu Giang, Đắk Lắk, Đắk Nông)</li> <li>- Đề nghị bổ sung vào Dự thảo “<i>Tùy theo điều kiện kinh tế của từng địa phương có thể xây dựng phương án hỗ trợ kinh phí cho giáo viên nhà trẻ thông qua Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</i>” - TP Hải Phòng.</li> <li>- Đề nghị xem xét, bổ sung chính sách hỗ trợ cho cán bộ quản lý giáo dục cấp Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo phụ trách công tác phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non từ 3 đến 5 tuổi (Bình Thuận, Bắc Giang)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ GDĐT đã giải trình như đối với ý kiến của Bộ Tài chính.</li> <li>- Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, lý do: Việc hỗ trợ ngay cho GV mới được tuyển dụng để GV khắc phục những khó khăn ban đầu khi đi làm, nếu sau 5 năm mới chi trả thì không giải quyết được khó khăn của GV, không phát huy được tính ưu việt của chính sách.</li> <li>- Nghị quyết số 27/NQ-TW chưa triển khai, thực hiện. Việc trình bày như dự thảo là phù hợp, Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên.</li> <li>- Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo; đã giải trình như giải trình ý kiến đối với Bộ Tài chính.</li> <li>- Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo; đã giải trình như giải trình ý kiến đối với Đắk Lắk, Đắk Nông. Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đồng nhất với các quy định của Chính phủ đã ban hành.</li> <li>- Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến góp ý tuy nhiên đối với kinh phí hỗ trợ trẻ em nhà trẻ thì không thuộc đối tượng của Nghị quyết này nên Bộ đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</li> <li>- Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo, chỉ hỗ trợ cho CBQL, GV, NV tại các cơ sở GDMN thực hiện nhiệm vụ phổ cập.</li> </ul>



TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>- Đề xuất xem xét thay vì ban hành chính sách thu hút giáo viên mầm non, đề xuất sử dụng nguồn kinh phí thu hút để đảm bảo cho việc bổ sung biên chế giáo viên mầm non tăng thêm cho các địa phương để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non theo quy định (Tuyên Quang).</p> <p>- Ý kiến: Phổ cập giáo dục, điều hành các hoạt động giáo dục nói chung và phổ cập giáo dục mầm non nói riêng là nhiệm vụ, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong lĩnh vực giáo dục, đây là nhiệm vụ thể hiện vai trò, vị trí quan trọng của cán bộ, giáo viên, được xác định là nhiệm vụ gắn với vai trò, vị trí của cán bộ, giáo viên. Do đó đề nghị xem xét việc quy định chính sách hỗ trợ đã gắn với trách nhiệm, vai trò, vị trí của từng đối tượng (Tuyên Quang).</p> <p>- Đề nghị: Nâng số tiền hỗ trợ lên 1.100.000 đồng/tháng (Sơn La), lý do: Căn cứ vào văn bản của Trung ương, của Quốc hội, của Chính phủ từ 01/7/2024 sẽ thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 19/5/2017 của Hội nghị lần thứ 7, ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt nam (Khóa XII).</p>	<p>- Bộ GDĐT giải trình như sau: Việc thực hiện chính sách thu hút nhằm các mục tiêu gồm: Tăng sự hấp dẫn của nghề GVMN đối với các sinh viên sư phạm mầm non; hỗ trợ một phần khó khăn đối với GVMN khi mới được tuyển dụng để ổn định cuộc sống, giữ chân giáo viên mới tuyển... do vậy việc thực hiện chính sách thu hút mang tính dài hạn, ổn định đối với đội ngũ GVMN. Về lâu dài nguồn tuyển GVMN sẽ dần ổn định khi có chính sách. Ngoài ra, GVMN khi được hưởng chính sách thu hút sẽ yên tâm công tác tại đơn vị trong thời gian 5 năm; điều này tạo nên sự ổn định cho đội ngũ. Đối với chính sách hợp đồng GVMN sẽ không đảm bảo tính ổn định; mặt khác việc hợp đồng hiện nay vẫn thực hiện trong chỉ tiêu biên chế được giao nên số lượng sẽ hạn chế và tiền lương thấp, từ đó gây mất ổn định về đội ngũ và đời sống GVMN hợp đồng sẽ không đảm bảo, không yên tâm công tác.</p> <p>- Về ý kiến "... phân rõ trách nhiệm...": Bộ GDĐT thấy rằng trách nhiệm thực hiện PCGD đã được quy định rất rõ cho từng cấp quản lý giáo dục, GVMN, nhân viên trường học trong Luật Giáo dục, Nghị định số 127/2018/NĐ-CP, Nghị định số 24/2021/NĐ-CP. Do đó: giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>- Bộ GDĐT báo cáo thêm như sau: Hiện nay Nghị quyết số 27-NQ/TW chưa triển khai thực hiện. Dự thảo đã quy định bằng 41% mức lương cơ sở 2.340.000 đồng. Trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn theo Bộ GDĐT mức dự thảo là phù hợp. Bộ GDĐT sẽ tiếp tục tham mưu với</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>- Chính sách thu hút: Đề nghị nâng mức lên (Điện Biên)  + <b>Tối thiểu 12 lần mức lương cơ sở đối với trường thuộc xã khu vực III, khu vực II thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền;</b>  + <b>Tối thiểu 06 lần mức lương cơ sở đối với trường thuộc các xã còn lại.</b>”</p> <p>- Tại Mục b Khoản 2 Điều 3 (trang 3) đề cơ quan soạn thảo xem xét <i>không quy định mức tối thiểu.</i></p>	<p>Chính phủ trong thời gian tiếp theo đề từng bước nâng mức hỗ trợ.</p> <p>- Bộ GDĐT nhận thấy mức dự thảo là phù hợp, lý do trong điều kiện chung của đất nước còn khó khăn, đối tượng thụ hưởng rất lớn (Bộ đã trình bày cụ thể trong báo cáo đánh giá tác động). Bộ GDĐT sẽ tiếp tục tham mưu với Chính phủ trong thời gian tiếp theo để từng bước nâng mức hỗ trợ.</p> <p>- Đối với ý kiến về việc Tại Mục b Khoản 2 Điều 3 (trang 3) đề cơ quan soạn thảo xem xét <i>không quy định mức tối thiểu</i> và chỉnh sửa. Bộ GDĐT đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo mức thấp nhất HỖND cấp tỉnh ban hành sẽ bằng mức 960.000 đồng/tháng; đối với các tỉnh, thành phố có điều kiện về KTXH có thể quy định mức cao hơn.</p>
<b>5</b>	<b>Về nguồn kinh phí của Dự thảo Nghị quyết</b>	
	<p><i>Có 06 đơn vị góp ý (Thái Bình, Quảng Bình, Nghệ An, Lào Cai, Hà Nam, Kon Tum), các ý kiến tập trung vào một số nội dung như:</i></p> <p>- <i>Đề nghị: NSTW hỗ trợ 100% nhu cầu kinh phí cho các địa phương tự cân đối được ngân sách (Thái Bình, Lạng Sơn).</i></p> <p>- <i>Đề nghị quy định mức phân bổ ngân sách (Nghệ An):</i>  + Các địa phương tự cân đối ngân sách trên 80%: hỗ trợ 85% nhu cầu vốn;  + Các địa phương tự cân đối ngân sách trên 60% đến 80%: hỗ trợ 90% nhu cầu vốn;  + Các địa phương tự cân đối ngân sách dưới 60%: hỗ trợ 100% nhu cầu vốn.</p> <p>- <i>Lào Cai đề nghị:</i>  + Các địa phương tự cân đối ngân sách trên 80%: hỗ trợ 60% nhu cầu vốn;  + Các địa phương tự cân đối ngân sách trên 60% đến 80%: hỗ trợ 80% nhu cầu vốn;  + Các địa phương tự cân đối ngân sách dưới 60% và các tỉnh miền núi, Tây Nguyên: hỗ trợ 100% nhu cầu vốn”.</p> <p>Lý do: trên cơ sở tham khảo các quy định về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương hiện hành, như Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày</p>	<p>Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến các đơn vị và đã rà soát, để phù hợp với quy định hiện hành và tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính đã sửa lại như sau:</p> <p><i>1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết, bao gồm:</i></p> <p>- <i>Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành: nguồn chi thường xuyên (sự nghiệp giáo dục, đào tạo); vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030; vốn từ Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030 theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình</i></p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	<p>24/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quyết định nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành giai đoạn 2022-2025, theo đó ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí tăng thêm cho các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương (các địa phương tự cân đối ngân sách dưới 100%). Đồng thời, xem xét đặc thù của từng khu vực có sự chênh lệch trong điều kiện tự nhiên, phát triển kinh tế xã hội, trong đó các tỉnh khu vực miền núi, Tây nguyên điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.</p> <p>- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc sớm điều chỉnh, bổ sung nội dung hỗ trợ đầu tư trường mầm non công lập và các chính sách khác có liên quan về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Kon Tum)</p>	<p><i>mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.</i></p> <p><i>- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.</i></p> <p><i>2. Cơ cấu ngân sách thực hiện phổ cập mẫu giáo</i> <i>Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;</i></p> <p><i>Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.</i></p> <p><i>Chính phủ quy định chi tiết điều này.</i></p> <p>Về các mức phân bổ tại Đề án tăng cường cơ sở vật chất thực hiện Chương trình GDMN, GDPT giai đoạn 2026-2030 Bộ GDĐT sẽ tham mưu quy định mức đầu tư cho các địa phương theo các mức khác nhau.</p> <p>- Về việc bổ sung cấp học mầm non vào Quyết định số 1719, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho UBNDT tham mưu cho Chính phủ tại Nghị quyết số 68.</p>
<b>6</b>	<b>Nội dung Tổ chức thực hiện</b>	
	<p><b>Có 01 đơn vị góp ý (Hà Nam):</b></p> <p>- Tham gia ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ...;</p>	<p>Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa.</p>
<b>7</b>	<b>Ý kiến khác về Dự thảo Nghị quyết</b>	
	<p><b>Có 24 đơn vị góp ý:</b> Chủ yếu là các ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ...</p>	<p>Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa.</p>

TT	Vấn đề/nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
<b>II</b>	<b>VỀ HỒ SƠ, DỰ THẢO TỜ TRÌNH</b>	
	<p>Có 14 đơn vị góp ý (Trà Vinh, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Nam Định, Long An, Lai Châu, Khánh Hòa, Hưng Yên, Hà Tĩnh, TP Hà Nội, Đồng Tháp, Bình Thuận, Lạng Sơn)</p> <p>Các ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ; thể thức văn bản...;</p>	Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến, rà soát và chỉnh sửa.
<b>III</b>	<b>VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT QUỐC HỘI</b>	
	<p>Có 26 đơn vị góp ý (Tiền Giang, Thái Bình, Quảng Nam, Phú Yên, Phú Thọ, Nghệ An, Nam Định, Lào Cai, Lai Châu, Khánh Hòa, Hưng Yên, Hà Tĩnh, TP Hà Nội, Hà Nam, Đồng Tháp, Bình Thuận, Cần Thơ, Bình Phước, Tuyên Quang, Bắc Giang, Điện Biên, Yên Bái, Bình Dương, Bình Định, Bắc Ninh, Bến Tre)</p> <p>Các ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học, thống nhất giữa các hồ sơ của Nghị quyết và Nghị định; thể thức văn bản...;</p> <p>Đề nghị trình bày thống nhất với các quy định tại Nghị định số 81, Nghị định số 105.</p>	Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến, rà soát và chỉnh sửa.
<b>IV</b>	<b>DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG</b>	
	<p>Có 17 đơn vị góp ý (Vĩnh Phúc, Sóc Trăng, Quảng Ninh, Phú Yên, Ninh Thuận, Long An, Lào Cai, Khánh Hòa, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Hà Giang, Đồng Tháp, Thái Nguyên, Yên Bái, Bình Thuận, Lạng Sơn, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu)</p> <p>Các ý kiến về cách trình bày, bổ sung các từ ngữ, cụm từ vào Dự thảo để đảm bảo đầy đủ, khoa học; rà soát, đối chiếu để đảm bảo chính xác, thống nhất giữa các hồ sơ của Nghị quyết với đánh giá tác động; thể thức văn bản...</p>	Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến, rà soát và chỉnh sửa.